

ÔN TẬP HỌC KÌ II (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Củng cố kiến thức về các thể loại VB đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở học kì II.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Hệ thống sơ đồ, bảng tóm tắt các vấn đề: chủ đề, thể loại VB; kiểu bài thực hành viết, nói và nghe; kiến thức tiếng Việt.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

HOẠT ĐỘNG 1: ÔN TẬP PHẦN ĐỌC

Mục tiêu: Hệ thống hoá các thể loại và văn bản đã học trong học kì II.

Tổ chức hoạt động		Hoạt động của học sinh		Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>Câu 1/ SGK.tr108</p> <p>– Tổ chức HS thảo luận nhóm, lập danh sách các loại VB đã được học trong <i>Ngữ văn 6</i>, tập hai.</p> <p>+ Trình bày kết quả.</p> <p>+ Thống nhất ý kiến.</p>		<p>– Đọc yêu cầu bài tập.</p> <p>– Thảo luận nhóm – thống nhất ý kiến.</p> <p>– Đại diện các nhóm thuyết trình. Các HS khác bổ sung.</p>		<p>– Hệ thống được các văn bản đã học:</p> <p>+ Bài 6: Truyền thuyết – VB: <i>Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh.</i></p> <p>+ Bài 7: Truyện cổ tích – VB: <i>Thạch Sanh, Cây khế.</i></p> <p>+ Bài 8: VB Nghị luận – VB: <i>Xem người ta kia; Hai loại khác biệt.</i></p>
PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1				
<i>STT</i>	<i>Tên bài học</i>	<i>Thể loại/Loại VB</i>	<i>Văn bản</i>	
1	Bài 6.			
2				

3				
4				

<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức HS thảo luận nhóm thảo luận yêu cầu a và b (SGK tr.108). + Trình bày kết quả. + Thống nhất ý kiến. 		<ul style="list-style-type: none"> - Thảo luận nhóm 4. - Đại diện các nhóm thuyết trình. Các HS khác bổ sung.
--	--	---

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2			
STT	Thể loại/Loại VB	VB lựa chọn	Đặc điểm thể loại/loại VB
1	Truyền thuyết
.....
.....
.....
.....

<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS viết ngắn gọn điều tâm đắc với một văn bản lựa chọn trong thời gian 5 phút. 		<ul style="list-style-type: none"> - HS viết tại lớp trong thời gian 5 phút. Một số HS chia sẻ trước lớp.
--	--	--

<ul style="list-style-type: none"> + Bài 9: VB thông tin – VB: <i>Trái Đất – cái nôi của sự sống; Các loài chung sống với nhau như thế nào?</i> - Trình bày được đặc điểm cơ bản của thể loại hoặc loại VB được thể hiện qua VB lựa chọn. Ví dụ: Chỉ ra được đặc điểm thể loại Truyền thuyết qua VB <i>Thánh Gióng</i>: + Kể về cuộc đời và chiến công của nhân vật Thánh Gióng. + Giải thích nguồn gốc một số sự vật, địa danh. + Kể theo mạch tuyến tính (cuộc đời Thành Gióng). + Nhân vật là người anh hùng chống giặc ngoại xâm. + Yếu tố kì ảo,... - Viết được đoạn văn đảm bảo nội dung: + Chia sẻ điều tâm đắc về một văn bản được lựa chọn. + Giải thích vì sao tâm đắc.
--

HOẠT ĐỘNG 2: ÔN TẬP PHẦN VIẾT

Mục tiêu: Hệ thống hoá đặc điểm của các kiểu bài viết trong học kì II.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<p>Câu 2/ SGK.tr131</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn HS lập bảng tổng hợp theo mẫu. - Thảo luận – thống nhất ý kiến. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm. - Các nhóm trưng bày sản phẩm. Đại diện nhóm thuyết trình. Các HS khác nhận xét, bổ sung. 	<ul style="list-style-type: none"> Lập được bảng hệ thống đặc điểm các kiểu bài văn: + Mục đích + Yêu cầu + Các bước thực hiện + Đề tài nêu thêm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Kiểu bài viết	Mục đích	Yêu cầu	Các bước thực hiện	Đề tài nêu thêm
Ở bài 6. <i>Chuyện kể về những người anh hùng</i>
.....
.....
.....
.....

HOẠT ĐỘNG 3: ÔN TẬP PHẦN NÓI VÀ NGHE**Mục tiêu:**

- Hệ thống được các nội dung đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài học trong học kì II.
- Nhận biết và so sánh điểm giống nhau và khác nhau về mục đích của hoạt động nói ở các bài *Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái đất – Ngôi nhà chung.*

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
Câu 3/ SGK.tr108 – GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: nói nhanh các nội dung đã thực hành nói và nghe trong 5 bài học ở học kì II. – Thảo luận nhóm đôi: Trình bày và so sánh điểm giống nhau và khác nhau về mục đích của hoạt động nói ở các bài trong học kì II.	– HS tham gia trò chơi. – HS thảo luận nhóm. – Đại nhiệm nhóm nêu ý kiến, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	– Ghi nhớ và hệ thống được các nội dung thực hành nói và nghe trong các bài học. – So sánh được mục đích nói của các bài: đều muốn người nghe tiếp nhận chính xác, đầy đủ nhất các thông tin truyền đạt. Tuy nhiên, ở mỗi bài đều có những nét riêng.

HOẠT ĐỘNG 4: ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT

Mục tiêu: Hệ thống các kiến thức tiếng Việt đã học trong học kì II.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
Câu 4/ SGK.tr108 – Hướng dẫn tóm tắt theo bảng mẫu các kiến thức tiếng Việt.	– HS đọc yêu cầu bài tập. – Thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn.	– Hệ thống hoá được các kiến thức tiếng Việt đã học:

– Chốt kiến thức.

– Một số HS trình bày bài làm.
– Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

+ Bài 6: Nghĩa của từ ngữ; Từ ghép, từ láy; Cụm từ; Biện pháp tu từ; Dấu câu.

+ Bài 7: Nghĩa của từ ngữ; Biện pháp tu từ.

+ Bài 8: Trạng ngữ; Nghĩa của từ ngữ; Lựa chọn từ ngữ; Lựa chọn cấu trúc câu.

+ Bài 9: Văn bản và đoạn văn; Từ mượn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

STT	Bài	Kiến thức Tiếng Việt
1	<i>Chuyện kể về những người anh hùng</i>
2
3
4
5

HOẠT ĐỘNG 5: LUYỆN TẬP – CÙNG CỐ KIẾN THỨC

Mục tiêu: Cùng cố các nội dung ôn tập bằng phiếu luyện tập tổng hợp.

Tổ chức hoạt động	Hoạt động của học sinh	Kết quả/ Sản phẩm học tập
<ul style="list-style-type: none"> – Hướng dẫn HS làm phiếu luyện tập. – Tổ chức chấm chéo bài làm. – Nhấn mạnh các nội dung đã học trong học kì II. 	<ul style="list-style-type: none"> – HS đọc phiếu bài tập. – Xác định yêu cầu bài tập. – Hoàn thành bài cá nhân. – Theo dõi đáp án, chấm chéo bài với bạn. 	Hoàn thành phiếu luyện tập.

PHIẾU LUYỆN TẬP

A. ĐỌC

Ngày xưa, ở một ngôi làng nhỏ, có hai mẹ con sống cùng nhau. Họ sống họ bình yên trong một ngôi nhà nhỏ. Người mẹ hàng ngày tần tảo làm lụng nuôi con. Người con hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành.

Một ngày kia, người mẹ bỗng lâm bệnh nặng. Mặc dù người con chạy chữa biết bao thầy lang giỏi trong vùng cũng không chữa khỏi cho mẹ. Em buồn lắm, ngày ngày đều cầu phúc cho mẹ. Thương mẹ, người con quyết tâm đi tìm thầy nơi khác về chữa bệnh. Người con đi mãi, qua bao nhiêu làng mạc, núi sông, ăn đói mặc rách vẫn không nản lòng.

Đến một hôm, khi đi ngang qua một ngôi chùa, em xin nhà sư trụ trì được vào thắp hương cầu phúc cho mẹ. Lời cầu xin của em khiến trời nghe cũng phải nhỏ lệ, đất nghe cũng cúi mình. Lời

cầu xin đó đến tai đức Phật từ bi, Người cảm thương tấm lòng hiếu thảo của em nên đã hóa thân thành một nhà sư. Nhà sư đi ngang qua chùa và tặng em một bông hoa trắng rồi nói:

– Bông hoa này là biểu tượng của sự sống, là bông hoa chứa đựng niềm hi vọng, là ước mơ của loài người, là thần dược để chữa bệnh cho mẹ con, con hãy mang nó về chăm sóc. Nhưng phải nhớ rằng, cứ mỗi năm sẽ có một cánh hoa rụng đi và bông hoa có bao nhiêu cánh thì mẹ con chỉ sống được bấy nhiêu năm.

Nói rồi nhà sư biến mất. Em vui mừng nhận bông hoa, cảm tạ đức Phật. Nhưng khi đếm những cánh hoa, em bỗng buồn trở lại khi thấy bông hoa chỉ có năm cánh, nghĩa là mẹ em chỉ sống được thêm với em có năm năm nữa.

Thương mẹ quá, em nghĩ ra một cách. Em liền liềm xé nhỏ những cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ, đến khi không còn đếm được bông hoa có bao nhiêu cánh nữa. Nhờ đó mà mẹ em đã sống rất lâu bên người con hiếu thảo của mình.

Bông hoa trắng với vô số cánh nhỏ đó đã trở thành biểu tượng của sự sống, là ước mơ trường tồn, là sự hiếu thảo của người con đối với mẹ, là khát vọng chữa lành mọi bệnh tật cho mẹ của người con. Ngày nay, bông hoa đó được người đời gọi là hoa cúc trắng.

(Theo Truyện dân gian Việt Nam)

I. Chọn phương án đúng nhất

Câu 1. Dòng nào nói đúng nhất người con rất thương mẹ?

- A. Người con hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành.
- B. Người con tìm bao thầy lang giỏi trong vùng để chữa bệnh cho mẹ.
- C. Người con ngày ngày cầu phúc cho mẹ.
- D. Người con quyết tâm đi tìm thầy nơi khác về chữa bệnh cho mẹ, qua bao nhiêu làng mạc, núi sông, ăn đói mặc rách vẫn không nản lòng.

Câu 2. Ai đã tặng cho người con bông hoa cúc trắng?

- A. Sư trụ trì
- B. Thầy thuốc
- C. Đức Phật
- D. Người mẹ

Câu 3. Vì sao người con lại xé nhỏ những cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ?

- A. Vì bông hoa chỉ có năm cánh nghĩa là mẹ em chỉ sống được với em năm năm nữa.
- B. Vì quá thương mẹ, em muốn mẹ sống thêm nhiều năm nữa.
- C. Vì mỗi năm lại có một cánh hoa rụng đi.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 4. Hình ảnh “bông hoa cúc trắng” mang ý nghĩa gì?

- A. Bông hoa cúc trắng tượng trưng cho đức Phật từ bi.
- B. Bông hoa cúc trắng tượng trưng cho tình mẫu tử bất diệt.
- C. Bông hoa cúc trắng là biểu tượng của cuộc sống công bằng, hạnh phúc.
- D. Bông hoa trắng đã trở thành biểu tượng của sự sống, là ước mơ trường tồn, là sự hiếu thảo của người con đối với mẹ, là khát vọng chữa lành mọi bệnh tật cho mẹ của người con.

II. Thực hiện bài tập

Câu 5. Cho câu văn sau:

Người con hiếu thảo, biết vâng lời mẹ và chăm chỉ học hành.

- a) Giải thích nghĩa của từ “hiếu thảo”.
- b) Hãy tìm từ trái nghĩa với từ “hiếu thảo”.

Câu 6. Các từ in đậm trong câu văn sau có phải là từ nhiều nghĩa không? Vì sao?

*Nhưng khi đếm những cánh hoa, lòng em bỗng buồn trở lại khi biết rằng bông hoa chỉ có **năm** cánh, nghĩa là mẹ em chỉ sống được thêm với em có năm **năm** nữa.*

Câu 7. Chỉ ra các từ mượn trong câu văn sau đây:

Lời cầu xin đó đến tai đức Phật từ bi, Người cảm thương tấm lòng hiếu thảo của em nên đã hoá thân thành một nhà sư.

Câu 8. Tưởng tượng và ghi lại ít nhất 3 tính từ diễn tả tâm trạng của em bé khi nhận bông hoa cúc trắng từ tay Đức Phật. Đặt câu với 1 từ tìm được.

B. VIẾT

Câu 9. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày suy nghĩ về trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ.

Câu 10. *Thương mẹ quá, em nghĩ ra một cách. Em liền liều xé nhỏ những cánh hoa ra thành nhiều cánh nhỏ, nhiều đến khi không còn đếm được bông hoa có bao nhiêu cánh nữa. Nhờ đó mà mẹ em đã sống rất lâu bên người con hiếu thảo của mình.*

Hãy đóng vai người con, tưởng tượng và kể tiếp những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo của người con đối với mẹ.

C. NÓI VÀ NGHE

Trình bày bài nói: Hãy đóng vai người con, tưởng tượng và kể tiếp những việc làm thể hiện lòng hiếu thảo của người con đối với mẹ.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI LUYỆN TẬP

Phần	Câu	Nội dung cần đạt	Điểm
A	1	Đáp án D	0,5
	2	Đáp án C	0,5
	3	Đáp án C	0,5
	4	Đáp án D	0,5
	5	– HS giải thích đúng nghĩa của từ ngữ: <i>Hiếu thảo</i> : có lòng tôn kính với cha mẹ, tổ tiên của mình (theo <i>Từ điển tiếng Việt</i>). – HS tìm được từ trái nghĩa: <i>hiếu thảo</i> >< <i>bất hiếu</i>	0,5
	6	HS nhận biết được từ in đậm năm (năm cánh) và năm (năm năm) không phải là từ nhiều nghĩa vì nghĩa của chúng khác xa nhau. Đây là những từ đồng âm.	0,5
	7	HS xác định đúng các từ mượn: <i>cầu xin, hóa thân</i> .	1,0
	8	– HS có thể tìm các tính từ như: <i>vui mừng, sung sướng, hạnh phúc,...</i> – HS viết được một câu văn hoàn chỉnh với từ vừa tìm được.	0,5 0,5
B	9	a) Về hình thức: – HS viết đúng hình thức đoạn văn, đảm bảo dung lượng (5 – 7 câu). – Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, câu đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác. b) Về nội dung: Học sinh bộc lộ được những suy nghĩ, chân thành về trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ. Dưới đây là một số ý cơ bản: – Cha mẹ là người đã sinh thành, nuôi dưỡng dạy bảo chúng ta nên người. – Bốn phận làm con phải yêu thương kính trọng cha mẹ, chăm sóc cha mẹ khi ốm đau, tuổi già, sức yếu. – Ra sức học tập và rèn luyện để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. – Phê phán những hành vi ngược đãi, đối xử thô bạo đối với cha mẹ.	1,0
		a) Về hình thức: – HS viết bài văn kể chuyện tưởng tượng. – Bài viết đủ bố cục 3 phần, trình bày hợp lí, đảm bảo tính khoa học. – Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, câu đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác.	1,0

10	<p>b) Về nội dung: Học sinh có nhiều cách viết khác nhau, tuy nhiên cần đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn ngôi kể thứ nhất (đóng vai người con). - Kể được các việc làm thể hiện lòng hiếu thảo đối với mẹ. - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ trước sự việc được kể. - Rút ra thông điệp, bài học cho mọi người. 	3,0
C	<p>HƯỚNG DẪN NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bài nói đúng chủ đề, nội dung phong phú, hấp dẫn: <ul style="list-style-type: none"> - Đóng vai người con kể tiếp những việc làm hiếu thảo. - Thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật. 2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. 3. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt, ...) phù hợp. 4. Mở đầu và kết thúc hợp lí. 	